TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2026/HSST
Ngày 24/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Huy Toàn và bà Nguyễn Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Toản - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 173/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Ánh N, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1987 tại phường V, tỉnh Phú Thọ.

Số CCCD: 025087007710.

Nơi cư trú: Khu A, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Đình M (sinh năm 1924, đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1950; vợ, con: Vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1984, đã ly hôn; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2016; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án. Tại Bản án số 68/2022/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, bị cáo bị xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 28 tháng 12 năm 2025.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 199/2007/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (cũ) xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; đã chấp hành xong án phí ngày 07 tháng 3 năm 2008.

- Tại Bản án số 143/2008/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (cũ) xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung là 09 tháng 05 ngày tù; đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 12 năm 2008.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại Phân trại tạm giam T - Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh P; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Trung tâm D, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phi C, sinh năm 1982 - Chuyên viên Trung tâm D, tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Sáng ngày 12 tháng 4 năm 2026, Trần Ánh N đi xe buýt từ phường V đến khu D, xã Đ, tỉnh Phú Thọ để tham quan và làm lễ. Khoảng hơn 10 giờ cùng ngày, N mua vé xe điện và đi cáp treo lên khu vực Đền T1.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, N đi vào bên trong đền Đ và phát hiện trên khay đĩa đặt trên ban thờ có nhiều tờ tiền với các mệnh giá từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Quan sát thấy xung quanh không có người, N nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên để chi tiêu cá nhân. N dùng tay trái lấy tiền trên đĩa, bỏ vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi nhanh chóng rời khỏi khu vực làm lễ.

Qua hệ thống camera an ninh của đền Đ, ông Trần Phi C, cán bộ Trung tâm D làm công tác quản lý khu di tích, phát hiện N có hành vi trộm cắp tài sản nên cùng lực lượng bảo vệ và du khách giữ N lại, lập biên bản và trình báo cơ quan Công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P tiến hành kiểm tra, phát hiện và tạm giữ tại túi quần phía trước bên trái của N số tiền 1.060.000 đồng, gồm: 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 05 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 08 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 15 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng.

N khai nhận trong số tiền trên có 780.000 đồng là tiền cá nhân mang theo trước đó, còn 280.000 đồng là tiền N lấy trên ban thờ đền Đ.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70 màu đen, lắp sim số 0328830251; 01 áo sơ mi cộc tay kẻ ca rô màu xanh - xám - trắng; 01 quần vải dài màu xám; 01 đôi giày da màu đen.

Quá trình điều tra, Trần Ánh N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 219/CT-VKSKV9 ngày 09 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ truy tố Trần Ánh N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố; phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Ánh N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho Trung tâm D số tiền 280.000 đồng; trả lại cho bị cáo số tiền 780.000 đồng và 01 điện thoại di động, tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án; tịch thu, tiêu hủy quần áo, giày dép đã cũ, hỏng.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thành khẩn khai báo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ánh N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ ngày 12 tháng 4 năm 2026, tại đền Đ thuộc khu D, xã Đ, tỉnh Phú Thọ, lợi dụng lúc vắng người, Trần Ánh N đã lén lút lấy số tiền 280.000 đồng là tiền lễ đặt trên ban thờ để chiếm đoạt. Khi bị phát hiện, N bị giữ lại và số tiền chiếm đoạt được thu hồi.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt có giá trị 280.000 đồng, dưới 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 68/2022/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ và đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khac trị gia ... dưới 2.000.000 đông nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... b) Đã bị kết án về tội này ..., chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; "

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại khu di tích. Vì vậy, cần xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo có nhân thân xấu, trước đó đã nhiều lần bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu. Đặc biệt, bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng chưa được xóa án tích đã tiếp tục thực hiện hành vi cùng loại.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết bị cáo đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích mà còn vi phạm đã là căn cứ định tội theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên không xem xét là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Trần Đình M, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến. Nếu tài liệu trong hồ sơ xác định đầy đủ tình tiết này, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, xâm phạm quyền sở hữu tài sản; bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu, trong đó có tiền án về chính tội "Trộm cắp tài sản" và chưa được xóa án tích. Mặc dù giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn và tài sản đã được thu hồi, nhưng việc bị cáo tiếp tục phạm tội sau khi vừa chấp hành xong hình phạt tù cho thấy ý thức chấp hành pháp luật kém.

Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 280.000 đồng do bị cáo chiếm đoạt, đây là tài sản bị chiếm đoạt của Trung tâm D, cần trả lại cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 780.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70 màu đen là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo phải thi hành án và để bảo đảm việc thi hành án, cần tiếp tục tạm giữ các tài sản này theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Đối với 01 áo sơ mi, 01 quần vải dài và 01 đôi giày da đã qua sử dụng, đã cũ, hỏng, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Ánh N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Ánh N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2026.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho Trung tâm D số tiền 280.000 đồng (Hai trăm tám mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Trần Ánh N số tiền 780.000 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70 màu đen; tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo sơ mi cộc tay kẻ ca rô màu xanh - xám - trắng; 01 quần vải dài màu xám; 01 đôi giày da màu đen, đã qua sử dụng, cũ, hỏng, không còn giá trị sử dụng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Ánh N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại Trung tâm D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 9 – Phú Thọ;
- Thi hành án hình sự;
- THA DS tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa